

THÔNG BÁO

Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2018

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

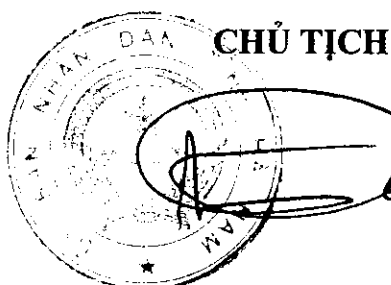
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách,

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2018, cụ thể như sau:

1. Cân đối ngân sách địa phương năm 2018 (chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN).
2. Thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2018 (chi tiết theo biểu số 60/CK-NSNN).
3. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2018 (chi tiết theo biểu số 61/CK-NSNN).

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TH (H);
- Lưu: VT, KT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2018(Kèm theo Thông báo số **119** /TB-UBND ngày **19**/12/2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2018	SỐ SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI DỰ TOÁN NĂM 2018
A	B	2	3	4=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	7.008.000	10.967.480	156
I	Thu cân đối NSNN	6.808.000	7.601.272	112
1	Thu nội địa	5.403.000	6.196.272	115
2	Thu cân đối từ hoạt động XNK	1.405.000	1.405.000	100
3	Thu viện trợ			
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	200.000	3.366.208	
B	TỔNG CHI NSDP	7.442.447	9.504.420	128
I	Chi cân đối NSDP	5.788.297	7.695.270	133
1	Chi đầu tư phát triển	879.840	2.517.397	286
2	Chi thường xuyên	4.731.917	5.001.333	106
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100
5	Dự phòng ngân sách	175.540	175.540	100
II	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	444.543	444.543	
III	Chi từ nguồn BS có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.209.607	1.364.607	113
C	BỘI CHI NSDP			
D	BỘI THU NSDP (CHI TRẢ NỢ GÓC)	131.250	131.250	100

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2018(Kèm theo Thông báo số **111**/TB-UBND ngày **19** /12/2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2018	SỐ SÁNH THỰC HIỆN VỚI DỰ TOÁN 2018
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.808.000	7.601.272	112
I	Thu nội địa	5.403.000	6.196.272	115
1	Thu từ khu vực DNNN	956.000	960.000	100
2	Thu từ khu vực DN có VĐT nước ngoài	1.591.000	1.618.818	102
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.042.000	1.095.867	105
4	Thuế thu nhập cá nhân	310.000	332.000	107
5	Thuế bảo vệ môi trường	315.000	425.600	135
6	Lệ phí trước bạ	145.000	152.000	105
7	Các loại phí, lệ phí	190.000	201.000	106
8	Các khoản thu về nhà, đất	586.000	1.128.587	193
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>		587	
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	6.000	9.500	158
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	500.000	995.000	199
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	80.000	123.500	154
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	111.000	115.500	104
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước			
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	17.000	12.000	71
12	Thu thường xuyên tại xã	32.000	32.000	100
13	Thu khác ngân sách	53.000	67.900	128
14	Thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa	55.000	55.000	100
II	Thu từ dầu thô			
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.405.000	1.405.000	100
1	Thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa nhập khẩu		949.583	
2	Thuế xuất khẩu		104.871	
3	Thuế nhập khẩu		326.441	
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		21.832	
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào VN		12	
6	Thu khác		2.260	
IV	Thu viện trợ			
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5.154.080	5.854.952	114
1	Từ các khoản thu phân chia	3.814.600	3.854.969	101
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.339.480	1.999.983	149

ƯỚC THỰC HIỆN/CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 119/TB-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2018	SỐ SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI DỰ TOÁN 2018
	TỔNG CHI NSĐP	7.442.447	9.504.420	128
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	6.232.840	8.139.813	131
I	Chi đầu tư phát triển	879.840	2.517.397	286
II	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	444.543	444.543	
III	Chi thường xuyên	4.731.917	5.001.333	106
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.732.778	1.837.434	106
2	Chi khoa học và công nghệ	23.653	23.653	100
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	457.754	462.332	101
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	61.173	61.784	101
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	48.891	55.868	114
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	20.563	21.797	106
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	101.059	107.059	106
8	Chi sự nghiệp kinh tế	857.941	949.539	111
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	873.758	891.233	102
10	Chi bảo đảm xã hội	376.535	378.066	100
IV	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100
VI	Dự phòng ngân sách	175.540	175.540	100
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	1.209.607	1.364.607	113
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	70.313	70.313	100
2	Cho các chương trình dự án quan trọng VĐT	1.074.282	1.229.282	114
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí TX	65.012	65.012	100